

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy
2. Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QDST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 4, N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 03 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại

thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011, ly hôn chị Tuyết đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh Bình nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lưu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng anh B khai như lời khai chị T đã trình bày ở trên. Anh B xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do thiếu sót từ phía anh nhưng chị T cũng không khéo léo cư xử nên làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng. Anh Nguyễn Văn B có quan điểm mong muốn được duy trì hôn nhân vì các con còn nhỏ nhưng nếu chị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày, ly hôn anh đề nghị giao các con Nguyễn Quang H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 cho anh nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B; về con chung: Giao các con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 30

tháng 12 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn B nuôi dưỡng sau ly hôn; việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Lưu Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 03 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân của chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi đánh nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011. Chị T và anh B đều có quan điểm giao con chung cho anh B nuôi dưỡng sau ly hôn, xét quan điểm của các đương sự về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lưu Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015458 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã H, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên